

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2026*

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa chất lượng phục vụ giảng dạy cho Khoa Sinh học – Công nghệ Sinh học năm học 2026-2027 theo danh mục đính kèm.

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

- 1. Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá: Trường Đại học Khoa học tự nhiên tiếp nhận báo giá đồng thời theo 2 hình thức:
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
  - Nhận qua email: [vtdquynh@hcmus.edu.vn](mailto:vtdquynh@hcmus.edu.vn) / Zalo: 0968144871 - Văn Thiên Diễm Quỳnh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo đến hết ngày 01 tháng 07 năm 2026.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Địa điểm cung cấp: Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 120 ngày.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
  - Tạm ứng: Không áp dụng.
  - Phương thức thanh toán: Thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
- Thành phần hồ sơ báo giá:
  - Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
  - Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
  - Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
  - Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của mặt hàng báo giá và tài liệu liên quan (nếu có).
- Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác:
  - Đối với hóa chất: Hàng hóa còn mới 100%, tối thiểu thời hạn sử dụng còn lại là 70% thời gian theo quy định của nhà sản xuất kể từ ngày bàn giao.
  - Đối với dụng cụ và nguyên vật liệu: Hàng hóa mới 100% và sản xuất từ năm 2025.
  - Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Nga**

**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ.**

	<b>Danh mục hàng hóa</b>	<b>Mã ký hiệu</b>	<b>Nhãn hiệu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng/Số lượng</b>
1	Acetone, C <sub>3</sub> H <sub>6</sub> O	A/0600/PC17	Fisher Scientific	Chai/ 2,5 lít	1
2	PTC Paper + Control Strips Genetic 2 vials (200 strips) Phenylthiourea	PGE01-02V100	Bartovation	Hộp/2 ống	3
3	Cá tử - Thanh khuấy từ - DINLAB-Đức	DINLAB-Đức	DINLAB-Đức	thanh	10
4	Acetonitrile		Merck	Chai/ 4L	1
5	LDPE ((Low-Density Polyethylene) dạng bột				1
6	Aniline	242284-100ML	Sigma-Aldrich	100ml/chai	1
7	Diphenylamine	8205280100	Sigma-Aldrich	100g/chai	1
8	TCA (Trichloroacetic acid)			Chai/ 500 gam	1
9	Potassium chloride, KCl		Thermo Fisher	Chai / 500gram	1
10	Acid Acetic, CH <sub>3</sub> COOH		Xilong	Chai / 500 mL	5

11	Sulfuric acid, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	114.006.028	GHTECH	Chai/ 500 gam	20
12	Potassium chloride, KCl		Thermo Fisher	Chai / 500gram	2
13	Thuốc thử kovac's	1092930100	Millipore	Chai/ 100 ml	1
14	Folin–Ciocalteu				1
15	Methanol				1
16	Potassium ferricyanide				1
17	Trichloroacetic acid (TCA)				1
18	Trichloroacetic acid (TCA)	AAA1115636	Thermo Scientific Chemicals	chai 500g	1
19	Trichloroacetic acid (TCA)	AAA1115637	Thermo Scientific Chemicals	chai 1000g	1
20	Sulfuric acid, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	114.006.028	GHTECH	Chai/ 500 gam	1
21	Hydrochloric acid, HCL	114.008.028	GHTECH	Chai/ 500 ml	1
22	Bộ giá đỡ buret	Kit holder buret	ONELAB	Bộ	1
23	Phenol 500g	Cas 108-95-2	XILONG	chai	1
24	Sulfuric acid, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	114.006.028	GHTECH	Chai/ 500ml	8

25	KALI PERMANGANATE, KMnO <sub>4</sub>	CAS: 7722-64-7	Xilong	Chai/ 500 gam	1
26	Ampicillin	A9393	Merck	Chai/5g	1
27	Acrylamide	GRM1110- 500G	Himedia	Chai/500g	1
28	TCA (Trichloroacetic acid)				1
29	Cá từ - Thanh khuấy từ - DINLAB-Đức	DINLAB-Đức	DINLAB-Đức	thanh	1
30	NKA-9 Macroporous Adsorption Resin, BR	AC12916-500g	Shanghai Acme Biochemical Technology Co.,Ltd	lọ 500 g	1

31	Nồi chưng cất tinh dầu inox cao cấp, 12 lít cao 35 cm x đường kính 25 cm nắp inox có kẹp nấu bếp từ	VN		nồi	1
32	Sulfuric acid, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>				1
33	Trichloroacetic acid (TCA)				1
34	Acid Acetic, CH <sub>3</sub> COOH		Xilong	Chai / 500 mL	1
35	Methanol				1
36	Diethyl ether, C <sub>4</sub> H <sub>10</sub> O	60-29-7	Chemsol	Chai/ 500 ml	3
37	Diethyl Aminoethyl Hexanoate	220305-68-5	Trung QUỐC	Lọ / 1kg	1
38	PTC Paper + Control Strips Genetic 2 vials (200 strips) Phenylthiourea	PGE01-02V100	Bartovation	Hộp/2 ống	3

39	Acid chlohydric HCl		TQ	Chai	1
40	Acid sulfuric H2SO4		TQ	Chai	1
41	Trichloroacetic acid (TCA )		TQ	Chai	1
42	KMnO4		TQ	Chai	1
43	Methanol		TQ	500ml/chai	1
44	Acid acetic		TQ	500ml/chai	1
45	Titanium sulfate				1
46	Acetic acid				1
47	Pectinase enzyme			Chai/5g	1
48	KNO3		Trung Quốc	Chai/ 500g	1
49	NH4NO3		Trung Quốc	Chai/ 500g	1
50	Acetone, C3H6O	A/0600/PC17	Fisher Scientific	Chai/ 2,5 lít	1

51	Nhíp cong 25cm		AAS	Cái	20
52	Thuốc thử kovac's	1092930100	Millipore	Chai/ 100 ml	1
53	Chai nhỏ giọt LDPE 250mL			cái	10
54	Chai nhỏ giọt LDPE 500mL			cái	1
55	Silver Nitrate AgNO <sub>3</sub>		Xilong	chai 100 g	1
56	Na <sub>2</sub> S.9H <sub>2</sub> O	1313-84-4	Xilong	500g/chai	1
57	Cyclohexene	8028240500	Merck	500ml/chai	1
58	Phenol			500g/chai	1
59	Aniline, 99+%, ACS reagent		ThermoScientific	Chai/ 500 ml	1
60	Acetic anhydride	A/0480/PB17	Fisher	c/2.5 L	1
61	Chai nhỏ giọt LDPE 250mL			cái	10
62	Chai nhỏ giọt LDPE 500mL			cái	1
63	Silver Nitrate AgNO <sub>3</sub>		Xilong	chai 100 g	1
64	Na <sub>2</sub> S.9H <sub>2</sub> O	1313-84-4	Xilong	500g/chai	1
65	Cyclohexene	8028240500	Merck	500ml/chai	1
66	Phenol			500g/chai	1
67	Aniline, 99+%, ACS reagent		ThermoScientific	Chai/ 500 ml	1

68	Acetic anhydride	A/0480/PB17	Fisher	c/2.5 L	1
69	UFC200324 Amicon® Ultra Centrifugal Filter	UFC200324	Amicon® Ultra Centrifugal Filter	Hộp/24 cái	1
70	UFC803024 Amicon® Ultra Centrifugal Filter	UFC803024	Amicon® Ultra Centrifugal Filter	Hộp/24 cái	1
71	Diethyl ether, C <sub>4</sub> H <sub>10</sub> O	60-29-7	Chemsol	Chai/ 500 ml	9
72	Methanol		chemsol	chai/ 500 ml	5
73	Sulfuric acid, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	114.006.028	GHTECH	Chai/ 500 gam	2
74	Vá inox 35 mL			cái	2
75	Hemicellulase	50-003-96778		chai 10g	1
76	Pectinase			chai 25g	1
77	KNO <sub>3</sub>			chai 500g	1
78	NH <sub>4</sub> NO <sub>3</sub>			chai 500g	1
79	Mercury(II) chloride, 98+%	AAA1747218	Thermo Scientific Chemicals	chai 50g	1
80	Mercury(II) iodide, 99+%	AA1613022	Thermo Scientific Chemicals	chai 100g	1
81	Trichloroacetic acid (TCA)			chai 500g	1
82	Trichloroacetic acid TCA			500g/chai	1

83	Acid chlohydric HCl			Chai/ 500 gam	1
84	Acid sulfuric H2SO4			Chai/ 500 gam	1
85	Methanol			Chai/ 500 mL	1
86	Acid acetic			Chai/ 500 mL	1
87	Ampicillin	A9393	Merck	Chai/5g	1
88	Trichloroacetic acid (TCA)			chai 500g	1
89	Trichloroacetic acid (TCA)			chai 1000g	1
90	Acrylamide	GRM1110-500G	Himedia	Chai/500g	2
91	Bis acrylamide	MB005-25G	Himedia	Chai/100g	2
92	Acetic acid (glacial) 100%	1000630510	Merck	chai	1
93	Trichloroacetic acid (TCA)			chai 500g	1
94	Trichloroacetic acid (TCA)			chai 1000g	1
95	(CH3)2CO Aceton		Chemsol	Chai 500mL	1
96	(CH3)2CO Aceton	A/0600/PC17	Fisher	Chai/ 2.5L	1
97	Methylcyclohexane	126580010	Thermo Scientific Chemicals	Chai 1 L	1
98	Potassium nitrate KNO3			Chai 500g	3
99	Sulfuric acid, H2SO4	114.006.028	GHTECH		1

100	Acetone, CH <sub>3</sub> COCH <sub>3</sub>	67-64-1	Xilong	Chai/ 500 ml	2
101	Acid acetic	64-19-7	Analytical Reagent	Chai/ 500 ml	2
102	Trichloroacetic acid (TCA)			chai 500g	1
103	Máy bơm nước chìm mini				1
104	Chân đế sắt và kẹp bình cầu 3 càng		Dinlab/ ONELAB	Bộ	1
105	Ginsenoside Rg1 (Chất chuẩn HPLC)	08383-10MG	Sigma-Aldrich	10 mg	1

## PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện gói thầu	Ghi chú
1.													
2.													

